

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 6 năm 2025
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P C hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Y số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/4/1995,

Số định danh cá nhân: 025195013371.

ĐKKHKTT: khu 3, xã L, huyện T, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành P, sinh ngày 12/8/1987,

Số định danh cá nhân: 025087017351.

ĐKKHKTT: khu 3, xã L, huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952,

2. Bà Tống Thị Y, sinh năm 1955.

ĐKKHKTT: khu 3, xã L, huyện T, tỉnh P.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P, ông L, bà Y vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị H và anh Nguyễn Thành P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh P. Thời gian đầu sau

khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2021 vợ chồng anh chị đi lao động tại nước ngoài, từ đó đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

Về con chung: chị Nguyễn Thị H xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 27/01/2015. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu V và cháu C cho anh Nguyễn Thành P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay anh P đang ở nước ngoài, chị H đề nghị Tòa án tạm giao cháu V và cháu C cho ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y (bố mẹ đẻ anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu C trong thời gian anh P ở nước ngoài cho đến khi anh P trở về V Nam. Chị H xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con chung cho đến khi từng con chung thành niên có đủ khả năng tự túc lao động.

Về tài sản chung vợ chồng: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung của vợ chồng: chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị H tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án không C hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Chị Nguyễn Thị H trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh P cho Tòa án được. Chị H đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh P ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh P là ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y trình bày:* ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Thành P. Hiện nay anh P đang ở Đài Loan. Ông L, bà Y vẫn thường xuyên liên lạc với anh P qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở chỗ nào tại Đài Loan vì anh P không nói cho ông bà biết. Do vậy ông L, bà Y không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh P cho Tòa án. Ông L, bà Y cũng đã nhận thay và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh P được biết. Việc chị H làm đơn xin ly hôn anh P, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: ông L, bà Y khẳng định anh P và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 27/01/2015. Hiện nay cháu V và cháu C đang được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Ông L, bà Y cũng đã thông báo cho anh P biết về yêu cầu khởi kiện của chị H và anh P có nói lại với ông bà là hiện nay anh P đang ở nước ngoài không thể về V Nam giải quyết ly hôn được nên anh P đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh chị theo quy định pháp luật. Về vấn đề con chung anh P nhất trí với

yêu cầu của chị H, do anh đang ở nước ngoài nên anh P ủy quyền cho ông L, bà Y thay mặt anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu C cho đến khi anh P trở về V Nam. Ông L, bà Y cũng hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng về con chung của anh P. Ông L, bà Y đề nghị Tòa án giao cháu V và cháu C cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị H, anh P ly hôn và tạm giao cháu V và cháu C cho ông bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài. Ông bà nhất trí với sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ Y cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Thành P. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 27/01/2015 cho anh Nguyễn Thành P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, tạm giao cháu V và cháu C cho ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh P về nước đón cháu. Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/01 tháng/01 con chung kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu V và cháu C trưởng thành, lao động tự túc được; P thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Về án phí: chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H nộp đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Thành P. Trong đơn khởi kiện chị H trình bày hiện nay cả chị H và anh P hiện đang ở nước ngoài. Xét đơn khởi kiện đề ngày 05/2/2025 của chị H có chứng thực của Văn phòng kinh tế - văn hóa V Nam tại Đài Bắc, Đài Loan. Tại văn bản số 445/QLXNC-Đ1 ngày 14/5/2025 của Phòng quản Y xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận anh P đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về V Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này cả chị H và anh P đều đang ở nước ngoài, chị H có đơn đề nghị Tòa án không C hành hòa giải nên Tòa án không C hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án C hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị H và ông L, bà Y đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự C hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thành P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh P. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Sau đó, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành P. Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh P đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành P là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị H được chấp nhận.

Anh Nguyễn Thành P hiện nay đang ở nước ngoài, chị Nguyễn Thị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Thành P ở V Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị H, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh P ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh P là ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y.

Thân nhân của anh Nguyễn Thành P là ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y cung cấp thông tin như sau: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh P nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài vì anh P không nói cho ông bà được biết. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh P cho Tòa án được. Ông L, bà Y cũng nhất trí nhận thay anh P các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh P biết. Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người V Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thành P có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 27/01/2015. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu V và cháu C cho anh Nguyễn Thành P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay anh P đang ở nước ngoài, chị H đề nghị Tòa án tạm giao cháu V và cháu C cho ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y (bố mẹ đẻ anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài cho đến khi anh P trở về V Nam. Xét thấy: cháu V và cháu C hiện đang được ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y (bố mẹ đẻ anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm về con

chung của chị H và đề nghị Tòa án tạm giao cháu V và cháu C cho bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập của cháu V và cháu C thì cần giao cháu V và cháu C cho anh Nguyễn Thành P chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị H và anh P ly hôn. Trong thời gian anh P ở nước ngoài thì ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu C đến khi anh P trở về V Nam là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị H đối với các con chung. Cụ thể chị H tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con chung cho đến khi từng con chung đủ trưởng thành, có đủ khả năng tự túc lao động.

- Về tài sản chung vợ chồng: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về công nợ chung của vợ chồng: chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Y và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 12/11/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 27/01/2015 cho anh Nguyễn Thành P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, tạm giao cháu V và cháu C cho ông Nguyễn Văn L và bà Tống Thị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh P về nước sẽ bàn giao lại cháu V và cháu C cho anh P nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con chung kể từ tháng 6/2025 cho đến khi từng con chung trưởng thành, đủ khả năng tự túc lao động. P thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Nguyễn Thị H (do anh Trương Minh Hải nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000566 ngày 24/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: đương sự có mặt ở V Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Các đương sự ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh